

Bản án: 96/2023/HS-ST

Ngày: 29/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trầm Tuấn Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Xuân Thảo

Ông Nguyễn Kiên Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Nhật Vi Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện VKSND Quận 3, Tp. tham gia phiên tòa:

Ông Lê Quốc V – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Duy T, sinh năm 1981; tại Thành phố Hải Phòng; hộ khẩu thường trú: 3 Miếu H, phường D, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (chết) và bà Ngô Thị L; tiền án: không; tiền sự: không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/8/2023 (bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Tạ Lâm Bảo N, sinh năm 1984; địa chỉ: 2 N, phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Bà Trần Thị P, sinh năm 1960; địa chỉ: C V, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/Ông Nguyễn Phú C, sinh năm 1979; địa chỉ: 3 C Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1982; địa chỉ: phòng số B số E T, phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 13/05/2020, Công an P2, Quận C nhận được tin báo của người dân về đối tượng Trần Duy T đến tại địa chỉ số B N, Phường C, Quận C đòi nợ

bà Tạ Lâm Bảo N và ông Nguyễn Phú C nên Công an P2, Quận C xuống hiện trường và mời tất cả về làm việc, lập hồ sơ ban đầu chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P2 xử lý.

Quá trình xác minh nguồn tin, Cơ quan điều tra xác định từ tháng 6/2018 Trần Duy T có thuê nhà tại số C L, phường P, quận T mở Công ty TNHH T3 để cầm đồ và cho vay. T thuê Đỗ Trọng H, Nguyễn Quốc B, Vũ Duy H1 và 01 người tên G (đều chưa rõ lai lịch) để thực hiện việc cho vay nặng lãi. Tân in ấn tờ rơi có số điện thoại của công ty cho B, H1, G đi dán ở những nơi công cộng để tìm những người có nhu cầu vay tiền. Nếu có người điện thoại hỏi để vay tiền thì T sẽ cử B, H1, G xác minh thông tin như chỗ ở, chỗ làm việc. Nếu đúng như người vay cung cấp thì T sẽ đồng ý cho vay. Việc chuyển tiền, góp tiền giữa T và người vay được thực hiện qua internet banking hoặc đưa trực tiếp tiền mặt. Các tài khoản ngân hàng T sử dụng để phục vụ việc cho vay bao gồm ngân hàng T4, số tài khoản 19032794046.01.8; 191.32794046.01.2; ngân hàng V2, số tài khoản 0031000279179; ngân hàng S, số tài khoản 060192405291.

Về cách thức cho vay thì T cho vay bằng hai hình thức là vay đứng và vay trả góp, trong đó vay trả góp lãi suất từ 15% đến 20%/01 tháng, còn vay đứng lãi suất từ 15% đến 30%/01 tháng.

Từ tháng 4/2019 đến tháng 1/2020, T cho 4 người vay tiền với 25 lượt vay. Trong đó T cho chị Tạ Lâm Bảo N, anh Nguyễn Phú C, chị Trần Thị P và chị Nguyễn Thị V1 vay 18 lần trả góp, với tổng số tiền là 315.000.000 đồng, đã thu là 199.800.000 đồng, thu lợi bất chính 30.005.556 đồng. Cho chị N và anh C vay 07 lần vay đứng, tổng số tiền vay là 690.000.000 số tiền đã thu là 202.150.000 đồng, thu lợi bất chính 187.566.666 đồng. Tổng số tiền gốc T cho vay nặng lãi là 1.005.000.000 đồng và thu lợi số tiền bất chính là 217.572.222 đồng, về cụ thể từng người vay như sau:

Các giao dịch với chị Tạ Lâm Bảo N: vay của T 03 lần vay đứng 01 lần, vay góp: ngày 04/6/2019, vay đứng số tiền 400.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 4.000.000 đồng, Tân trừ trước 10 ngày tiền lãi nên chỉ đưa 360.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. T thu tiền lãi 120.000.000 đồng/ tháng, tương đương lãi suất 30%/tháng. Tổng số tiền lãi mà Tân thu của chị N là 120.000.000 đồng. Chị N đóng lãi cho T 30 ngày, sau đó chị N nhờ anh Nguyễn Phú C trả toàn bộ tiền gốc 400.000.000 đồng cho T bằng tiền mặt.

Tháng 11/2019, vay đứng số tiền 70.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 490.000 đồng. Đã đóng đến tháng 1/2020 với tiền lãi là 44.100.000 đồng thì không đóng nữa, chưa trả tiền gốc, lần này chị N đóng cho T được 90 ngày.

Tháng 12/2019, vay đứng số tiền 70.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 490.000 đồng. Đã đóng được 45 ngày tiền lãi với số tiền 22.050.000 đồng thì không đóng nữa, chưa trả tiền gốc.

Tháng 01/2020, vay góp số tiền 150.000.000 đồng, mỗi ngày góp 6.000.000 đồng trong vòng 30 ngày, đã góp được 03 ngày với số tiền là 18.000.000 đồng thì không góp nữa.

Các giao dịch với anh Nguyễn Phú C: ngày 17/4/2019, vay đứng số tiền 50.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 250.000 đồng, đã đóng được 15 ngày với số tiền 3.750.000 đồng, đã trả hết tiền gốc.

Ngày 29/4/2019, vay đứng số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 100.000 đồng, đã đóng được 15 ngày tiền lãi với số tiền 1.500.000 đồng và đã trả hết tiền gốc.

Ngày 01/06/2019, vay đứng 30.000.000 đồng, mỗi ngày trả lãi 150.000 đồng, đã trả được 15 ngày tiền lãi với số tiền 2.250.000 đồng và đã trả hết tiền gốc.

Ngày 22/11/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng, vay góp trong 30 ngày, mỗi ngày đóng 2.000.000 đồng, đã góp đủ.

Tháng 12/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng, vay đứng, mỗi ngày trả lãi 250.000 đồng, đã đóng được 30 ngày tiền lãi với số tiền 7.500.000 đồng thì không đóng nữa, chưa trả tiền gốc.

Các giao dịch với chị Trần Thị P: Vay góp từ tháng 07/2019 tổng cộng 07 lần, lần 10.000.000 đồng, góp mỗi ngày 300.000 đồng trong vòng 40 ngày, đã góp đủ 60 lần, lần cuối góp được 02 ngày với số tiền 600.000 đồng.

Các giao dịch với chị Nguyễn Thị V1: Vay góp từ tháng 06/2019 tổng cộng 09 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, góp mỗi ngày 200.000 đồng và góp trong vòng 30 ngày, đã góp đủ 8 lần, lần thứ 09 góp được 06 ngày là 1.200.000 đồng thì không đóng tiền tiếp.

Như vậy, Trần Duy T đã lợi dụng hoạt động cho vay tiền trong giao dịch dân sự, sử dụng tổng số tiền gốc là 1.005.000.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng) để cho vay lãi nặng một cách liên tục, kế tiếp nhau về thời gian với mức lãi suất từ 15% đến 30%/tháng (tuy nhiên mức thu lãi hợp pháp theo quy định của pháp luật là 20%/năm tương đương 1,66666%/tháng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015) cho 04 người nói trên. Tổng số tiền lãi suất mà Trần Duy T đã thu lợi bất chính số tiền là 217.572.222 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P2 xác định hành vi của Trần Duy T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên tiến hành khởi tố bị can để điều tra, xử lý.

Quá trình điều tra, bị can Trần Duy T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với toàn bộ vật chứng được thu nhập trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: 01 (một) cây rựa dài 103 cm (phần cán gỗ dài 71 cm); 01 (một) cây dao dài 61 cm (phần cán bằng gỗ dài 13 cm); 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nhọn, dài 65 cm, phần cán quấn cao su 24 cm; 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 46 cm, phần cán bằng gỗ dài 13 cm; 01 (một) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 41 cm, phần cán gỗ dài 12 cm; 03 (ba) thùng sơn bằng kim loại có chữ Lucky, bên trong có nước sơn màu nâu, cao khoảng 18 cm, đường kính khoảng 18 cm; 01 (một) can nhựa màu trắng dung lượng 05 lít; 01 (một) bình nhựa dung lượng 05 lít; 04 (bốn)

giấy biên nhận vay tiền đối với Trương Thị P1, Lê Thông N1, Đặng Phúc Quế T2, Đỗ Thị Phương A.

Yêu cầu dân sự: Đối với số tiền bị cáo Tân thu vượt mức quy định của Nhà nước (thu lợi bất chính) thì những người vay tiền không có yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKS-HS ngày 06/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay :

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Tạ Lâm Bảo N, ông Nguyễn Phú C, bà Trần Thị P, bà Nguyễn Thị V1 - vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đề nghị xử phạt bị cáo 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) đến 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Buộc bị cáo nộp ngân sách nhà nước số tiền gốc cho vay và đã thu về được; nộp lại số tiền thu lợi bất chính 217.572.222 đồng, buộc những người vay tiền nộp lại số tiền gốc chưa trả hết cho bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu và tiêu hủy : 01 (một) cây rựa dài 103 cm (phần cán gỗ dài 71 cm); 01 (một) cây dao dài 61 cm (phần cán bằng gỗ dài 13 cm); 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nhọn, dài 65 cm, phần cán quân cao su 24 cm; 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 46 cm, phần cán bằng gỗ dài 13 cm; 01 (một) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 41 cm, phần cán gỗ dài 12 cm; 03 (ba) thùng sơn bằng kim loại có chữ Lucky, bên trong có nước sơn màu nâu, cao khoảng 18 cm, đường kính khoảng 18 cm; 01 (một) can nhựa màu trắng dung lượng 05 lít; 01 (một) bình nhựa dung lượng 05 lít;

Lưu hồ sơ vụ án : 04 (bốn) giấy biên nhận vay tiền có tên Trương Thị P1, Lê Thông N1, Đặng Phúc Quế T2, Đỗ Thị Phương A

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra Công an P2, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, kiểm sát viên đã thực hiện các hành vi, quyết định tố tụng đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo Bộ luật tố tụng hình sự qui định. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại cũng không có bất cứ ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Vì vậy có cơ sở xác định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra; như cáo trạng đã truy tố; phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ xác định. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 01/2020,

Trần Duy T đã sử dụng tổng số tiền gốc là 1.005.000.000 đồng (một tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng) cho 04 người trên các địa bàn từ Quận C, Quận A, Quận T. Hồ Chí Minh vay với lãi suất từ 15% đến 30%/tháng thu lợi bất chính số tiền là 217.572.222 đồng (hai trăm mười bảy triệu năm trăm bảy mươi hai ngàn hai trăm hai mươi hai đồng).

Theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Duy T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 BLHS.

[3] Xét, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng trong thời gian gần đây là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác gây mất an ninh trật tự mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của nhân dân. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được các hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì tư lợi cá nhân mà cố ý thực hiện thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải có mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[4] Căn cứ từ các yếu tố nêu trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Duy T thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2019 đến tháng 01/2020, bị cáo Trần Duy T đã cho Tạ Lâm Bảo N, Nguyễn Phú C, Trần Thị P, Nguyễn Thị V1 vay tiền với lãi suất từ 15% -30%/01 tháng, trên mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự 2015 và thu lợi bất chính số tiền là 217.572.222 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” thuộc trường hợp định khung quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo phạm tội thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng nên cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền là phù hợp.

[6] Tuy nhiên cũng xét, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn, hối lỗi nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những cơ sở trên, nghĩ cần căn cứ Điều 50, Điều 35 Bộ luật Hình sự quy định về căn cứ quyết định hình phạt; áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định về khung hình phạt áp dụng; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: 01 (một) cây rựa dài 103 cm (phần cán gỗ dài 71 cm); 01 (một) cây dao dài 61 cm (phần cán bằng gỗ dài 13 cm); 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nhọn, dài 65 cm, phần cán quấn cao su 24 cm; 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 46 cm, phần cán bằng gỗ dài 13 cm; 01 (một) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 41 cm, phần cán gỗ dài 12 cm; 03 (ba) thùng sơn bằng kim loại có chữ Lucky, bên trong có nước sơn màu nâu, cao khoảng 18 cm, đường kính khoảng 18 cm; 01 (một) can nhựa màu trắng dung lượng 05 lít; 01 (một) bình nhựa dung lượng 05 lít là phương

tiện phạm tội nghĩ nên tịch thu và tiêu hủy; lưu hồ sơ vụ án 04 (bốn) giấy biên nhận vay tiền có tên Trương Thị P1, Lê Thống N1, Đặng Phúc Quế T2, Đỗ Thị Phương A

[9] Trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu vượt mức quy định của nhà nước nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa là phù hợp tính chất, mức độ phạm tội, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nghĩ nên chấp nhận.

[11] Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50; khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Trần Duy T.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 331, 333, 336 và Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Duy T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt : Trần Duy T 500.000.000 đồng(năm trăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà Nước.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền của bị cáo Trần Duy T dùng để cho vay (tiền gốc) đã thu từ Tạ Lâm Bảo N 415.000.000 đồng; thu từ Nguyễn Phú C 150.000.000 đồng; thu từ Trần Thị P 60.500.000 đồng; thu từ Nguyễn Thị V1 41.000.000 đồng; khoản tiền lãi thu lợi bất chính là 217.572.222 đồng.

Truy thu từ chị Tạ Lâm Bảo N số tiền gốc 275.000.000 đồng; từ anh Nguyễn Phú C số tiền gốc 50.000.000 đồng; từ chị Trần Thị P số tiền gốc là 9.500.000 đồng; từ chị Nguyễn Thị V1 số tiền gốc là 4.000.000 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu và tiêu hủy : 01 (một) cây rựa dài 103 cm (phần cán gỗ dài 71 cm); 01 (một) cây dao dài 61 cm (phần cán bằng gỗ dài 13 cm); 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nhọn, dài 65 cm, phần cán quấn cao su 24 cm; 02 (hai) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 46 cm, phần cán bằng gỗ dài 13 cm; 01 (một) con dao bằng kim loại mũi nóc dài 41 cm, phần cán gỗ dài 12 cm; 03 (ba) thùng sơn bằng kim loại có chữ Lucky, bên

trong có nước sơn màu nâu, cao khoảng 18 cm, đường kính khoảng 18 cm; 01 (một) can nhựa màu trắng dung lượng 05 lít; 01 (một) bình nhựa dung lượng 05 lít;

Lưu hồ sơ vụ án : 04 (bốn) giấy biên nhận vay tiền có tên Trương Thị P1, Lê Thông N1, Đặng Phúc Quế T2, Đỗ Thị Phương A

(Tịch thu và tiêu hủy được ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 746/LNK-CSĐT ngày 16/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an P2).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành án không thực hiện đúng việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 3;
- Công an quận 3;
- Nhà tạm giữ CAQ3;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q3;
- UBND phường Dư Hàng Kênh, Quận Lê Chân, Tp Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...)

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Kiệt